


PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT			
TÊN SẢN PHẨM Axít citric			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP			
- Tên thường gọi của chất: Axít citric		Mã sản phẩm (nếu có):	
- Tên thương mại: Axít citric			
- Tên khác (không là tên khoa học): - Số CAS: 77-92-9 - Số UN: - Số đăng ký EC (nếu có):		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC Địa chỉ: Nhà số 9 Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam Email: hoachatthinhphuc@gmail.com Hotline: 0833 299 222 Website: www.hoachatthinhphuc.vn	
- Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối): CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC Địa chỉ: Nhà số 9 Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam Email: hoachatthinhphuc@gmail.com Hotline: 0833 299 222 Website: www.hoachatthinhphuc.vn			
- Mục đích sử dụng: được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp hóa chất, môi trường ...			
PHẦN II: THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thông thường	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% trọng lượng)
Axít citric	77-92-9	C6H8O7	100
PHẦN III: NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			

1. Mức xếp loại nguy hiểm: Phân loại theo GHS (EU, Mỹ, OSHA...)

Theo HMIS (Mỹ)

- Nguy hiểm đến sức khỏe: 0
- Nguy hiểm về cháy: 0
- Độ hoạt động: 0



2. Các yếu tố ghi nhãn theo GHS (Cảnh báo nguy hiểm, hướng dẫn sử dụng, bảo quản):
Nguy hiểm!

Gây bỏng, nhất là bắn vào mắt sẽ gây hỏng niêm mạc, mù lòa

3. Các thông tin nguy hại khác (nếu có): đường tiếp xúc và triệu chứng

- Gây bỏng da và hỏng mắt.
- Gây thiệt hại đến cơ quan thần kinh, cơ quan hô hấp, thận, cơ quan khứu giác thông qua tiếp xúc kéo dài, hoặc lặp đi lặp lại.
- Hô hấp: Thở gấp. Ho liên tục. Buồn nôn. Hơi thở nặng nhọc - Mắt: gây đau rất mạnh, không nhìn rõ.

Đối với môi trường: Độc đối với đời sống thủy sinh.

PHẦN IV: BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1.1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt) :

- Kiểm tra và loại bỏ các hoá chất văng vào mắt. Rửa mắt bằng nhiều nước sạch tối thiểu 15 phút, có thể dùng nước lạnh, đưa đến bác sĩ.

1.2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da) :

Rửa bằng xà phòng và nước. Che phủ bề mặt da mẫn ngứa với chất làm mềm da. Tìm đến chăm sóc y tế nếu tình trạng khó chịu phát triển.

1.3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Nếu hít phải, loại bỏ không khí trong lành. Nếu không thở, hô hấp nhân tạo. Nếu việc thở gấp khó khăn, hãy cung cấp thêm khí oxi. Nhận chăm sóc y tế

1.4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống, nuốt nhầm hóa chất):

KHÔNG gây nôn trừ khi được nhân viên y tế chỉ dẫn làm như vậy. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vào miệng một người bất tỉnh Nới lỏng quần áo chặt chẽ như cô áo, cà vạt, thắt lưng hoặc dây thắt lưng. Nhận chăm sóc y tế nếu các triệu chứng xuất hiện

2. Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này:

3. Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết:

PHẦN V: BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Các phương tiện chữa cháy thích hợp:

2. Các chất độc được sinh ra khi bị cháy:

3. Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy:

PHẦN VI: BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố:

Tuân theo tất cả các quy định tương ứng của địa phương và quốc tế. Tránh tiếp xúc với các vật liệu bị tràn đổ hay thất thoát. Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho những người không có nhiệm vụ hay không được bảo vệ vào khu vực này. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp. Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây nguy hiểm. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh. Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ sản phẩm hay mức nước chữa cháy) để tránh làm nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác. Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của nó vào một vị trí an toàn. Phải thông báo cho chính quyền địa phương nếu không khống chế được lượng sản phẩm bị đổ tràn ra.

1.1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

- Pha loãng với nước rồi dùng các vật liệu khô, tro như đất, cát... hấp thụ và xử lý chất thải phù hợp. - Có thể trung hòa lượng NaOH còn sót lại bằng dung dịch acid loãng. Khi trung hòa bằng acid sẽ xảy ra phản ứng tỏa nhiệt.

1.2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

- Ngăn chặn sự phát sinh tràn đổ, rò rỉ nếu không nguy hiểm. Đào, vây cô lập khu vực, ngăn chặn vào cống, tầng hầm hoặc khu vực hạn chế. Thu gom phần bị đổ ra.
- Báo cáo với các cơ quan chức năng để nhận được sự hỗ trợ về hóa chất, nhân lực để xử lý.
- Dùng cát hay các vật liệu trợ hấp thụ phần đổ, tràn rồi xử lý chất thải theo quy định của nhà nước.

2. Các cảnh báo về môi trường: Chất rò rỉ có thể gây ô nhiễm. Cần phải có biện pháp phòng ngừa để ngăn chặn việc đưa vào cống rãnh.

3. Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi sự cố xảy ra: Chứa và thu hồi chất lỏng khi có thể. Dư lượng

hấp thụ trên đất sét, cát, vermiculite hoặc vật liệu hấp thụ khác và đặt trong một thùng chứa chất thải hóa học để xử lý.

- Biện pháp phòng ngừa đặc biệt: Không xả cặn ăn da vào hệ thống thoát nước. Đừng lấy nước bên trong các thùng chứa.

PHẦN VII: YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm -

Tránh sự tiếp xúc trực tiếp với da và mắt. Trong trường hợp không đủ thông gió, đeo thiết bị hô hấp phù hợp. Nếu nuốt phải, tìm tư vấn y tế ngay và đưa cho thấy bình đựng chất hay nhãn hiệu này.

- Thay đồ bảo hộ sau khi hoàn tất công việc.
- Tuân thủ các qui trình, thao tác khi vận hành và khi lấy mẫu

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

- Tránh xa các chất không tương thích như chất oxy hóa, chất khử, kim loại, axit, kiềm, độ ẩm.
- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.
- Không được để gần nguồn phát nhiệt, không được đặt dưới dây điện trần, không được để gần các chất nổ.
- Yêu cầu đối với kho bảo quản và bình chứa: Bình chứa không làm bằng các vật liệu nhôm, thiếc hoặc kẽm. Không lưu trữ hoặc trộn với nước, axit, chất lỏng dễ cháy, hợp chất halogen hữu cơ, mêtan nitro và các kim loại như nhôm, thiếc và kẽm.

PHẦN VIII: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các thông số kiểm soát (VD: Ngưỡng giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp, ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học)

- Tất cả công nhân nên được đào tạo đúng cách trong quy trình xử lý an toàn và thủ tục sơ cứu cần thiết. Khi làm việc phải thông thoáng kho, tiếp xúc phải có trang bị bảo vệ cá nhân để giữ cho nồng độ hơi trong không khí dưới mức giới hạn ngưỡng của chúng. Không hút thuốc, ăn uống trong khi làm việc.
- Trang bị bảo vệ cá nhân, phương tiện làm việc phải làm sạch trước và sau khi sử dụng.

2. Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp:

- Bảo vệ mắt: kính che mắt, mặt.
- Bảo vệ đường thở: mặt nạ phòng độc, mặt nạ thở oxy.
- Bảo vệ thân thể: quần áo, tạp dề
- Bảo vệ tay: găng cao su, nhựa
- Bảo vệ chân: giày, ủng


3. Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân:

- Đầy đủ bộ đồ. Mặt nạ phòng độc. Giày ủng. Găng tay. Phải sử dụng thiết bị thở khép kín để tránh hít phải sản phẩm

PHẦN IX: ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: thể rắn (tinh thể rắn).	Điểm sôi (°C): phân hủy ở 175 °C
Màu sắc: không có giá trị	Điểm nóng chảy (°C): 153 °C
Mùi đặc trưng: không mùi.	Điểm cháy (°C) (Flash point): không phù hợp
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có giá trị	Nhiệt độ tự cháy (°C): không phù hợp
Tỷ trọng hơi (không khí =1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có giá trị	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp

Độ hòa tan trong nước: tan hoàn toàn trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp
Độ pH: dung dịch có tính kiềm mạnh	Tỷ lệ hoá hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng: 1,665 kg/m ³ ở 20 °C	Các tính chất khác (nếu có)
PHẦN X: MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT	
<p>1. Tính ổn định - Ổn định trong điều kiện sử dụng và lưu trữ thông thường</p> <p>2. Khả năng phản ứng</p> <p>3. Phản ứng nguy hiểm:</p> <p>4. Các điều kiện cần tránh: Độ ẩm, nhiệt và vật liệu không tương thích.</p> <p>5. Vật liệu không tương thích:</p> <p>6. Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy:</p>	
PHẦN XI: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH	
<p>1. Thông tin về các đường phơi nhiễm khác nhau:</p> <p>2. Tác hại tức thì, tác hại lâu dài và những ảnh hưởng mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn: Những người có rối loạn da từ trước hoặc các vấn đề về mắt hoặc suy hô hấp chức năng có thể dễ bị ảnh hưởng của chất.</p> <p>3. Các triệu chứng liên quan đến tính độc hại của hóa chất và độc sinh thái:</p> <p>4. Liệt kê những thông số về độc tính (ước tính mức độ độc cấp tính):</p>	
PHẦN XII: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI	
<p>1. Độc môi trường (nước và trên cạn) Độc tính sinh thái</p> <p>2. Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy: Chưa có thông tin.</p> <p>3. Khả năng tích lũy sinh học: Các sản phẩm suy thoái ngắn hạn có thể nguy hiểm là không có khả năng. Tuy nhiên, các sản phẩm suy thoái dài hạn có thể phát sinh</p> <p>4. Độ linh động trong đất:</p> <p>5. Các tác hại khác:</p>	
PHẦN XIII: THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ	
<p>1. Các loại chất thải và các thông tin xử lý an toàn: Bất cứ điều gì không thể được lưu để phục hồi hoặc tái chế nên được xử lý như chất thải nguy hại và được gửi đến một cơ sở xử lý chất thải đã được phê duyệt. Bất kỳ hành vi xử lý nào phải nằm trong tuân thủ tất cả các quy định của địa phương, khu vực và quốc gia. Không đổ vào bất kỳ hệ thống cống rãnh nào, trên mặt đất, hoặc vào bất kỳ nguồn nước nào - Hoá chất hết hạn hoặc mất phẩm chất phải được xử lý, nếu huỷ bỏ phải tuân thủ quy định nhà nước hiện hành. - Xếp loại nguy hiểm của chất thải : chưa có thông tin</p> <p>2. Các biện pháp thải bỏ (có tính đến bao bì nhiễm độc): tuân theo quy định của nhà nước hiện hành</p>	
PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển	

Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Độc môi trường	Vận chuyển trong tàu lớn	Những cảnh báo đặc biệt
						

PHẦN XV: THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất Quy

định pháp luật phải tuân thủ:

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.

Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 06 năm 2016 của Bộ Khoa học công nghệ qui định Trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất Oxy hóa, các hợp chất oxit hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.

PHẦN XVI: Thông tin khác

Ngày tháng biên soạn phiếu: 01/06/2024

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.